

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 9 năm 2022

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH

Ngày thi: 09,10,11/9/2022

TT	Mã SV	Họ lót	tên	Ngày sinh	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
1	207902C002	Lê Thị	Ca	03.09.1975	4,0	5,0	2,5	4,0	4,0	
2	217900C555	Nguyễn Lê Hải	Anh	04.03.1997	5,5	6,5	3,5	5,0	5,0	
3	207902C501	Nguyễn Thị	Bình	20.10.1986	5,5	6,0	5,0	4,0	5,0	
4	207902C700	Phạm Ngọc	Cương	11.10.1984	4,0	4,0	3,0	4,0	4,0	
5	207902Đ501	Nguyễn Trung	Cường	13.07.1996	5,5	8,0	4,0	5,0	5,5	
6	207902C503	Lê Trần	Cường	02.09.1968	4,0	5,0	3,5	4,5	4,5	
7	207902T501	Phạm Văn	Cường	16.03.1980	4,0	4,0	2,0	5,0	4,0	
8	218902C600	Hoàng Văn	Cường	16.08.1988	4,0	4,0	3,0	4,0	4,0	
9	207902C506	Trịnh Đạt	Dũng	13.06.1978	4,0	4,0	3,0	4,0	4,0	
10	207902C701	Phạm Tiến	Dũng	10.02.1980	4,0	3,5	2,5	5,5	4,0	
11	207902T502	Vũ Đình	Duy	22.04.1985	4,0	4,0	3,5	4,0	4,0	
12	217900D569	Nguyễn Thị Anh	Duyên	10/11/1997	5,0	5,5	3,5	5,0	5,0	
13	207902C702	Hoàng Văn	Dương	30.06.1991	4,5	5,0	2,0	4,0	4,0	
14	217902C502	Nghiêm Văn	Đại	07.03.1986	4,5	3,5	3,0	4,0	4,0	
15	207902C703	Hoàng Văn	Đào	16.03.1976	4,0	5,0	3,0	5,0	4,5	
16	217902C503	Nguyễn Huy	Định	12.12.1988	3,0	4,5	2,5	5,5	4,0	
17	207902C507	Lưu Thị	Giang	06.10.1983	4,0	3,0	4,0	4,0	4,0	
18	207902C508	Nguyễn Thị Thu	Hà	20.10.1972	4,0	3,0	3,0	5,0	4,0	
19	207902C509	Trịnh Thị	Hiền	23.10.1981	4,0	4,5	3,5	4,5	4,0	
20	207902T700	Lê Xuân	Hiền	23.02.1983	4,0	3,5	3,5	4,0	4,0	
21	217902C504	Lê Ngọc	Hiếu	21.04.1997	4,0	4,0	3,5	4,0	4,0	
22	207902C704	Vũ Thị	Hoa	12.11.1984	4,0	6,5	3,5	4,0	4,5	
23	207902C705	Nguyễn Văn	Hòa	01.01.1984	4,0	4,0	3,0	4,0	4,0	
24	217902C505	Phạm Văn	Hợp	30.10.1969	3,0	5,0	3,0	4,0	4,0	
25	207902C706	Đỗ Thị	Huệ	28.01.1974	4,0	4,0	3,0	5,0	4,0	
26	207902C707	Vũ Tuấn	Hùng	15.12.1976	4,0	3,5	3,0	4,5	4,0	
27	217902T502	Lê Việt	Hùng	03.11.1984	3,5	5,5	3,5	4,0	4,0	
28	218902C601	Nguyễn Văn	Hùng	20/03/1972	4,0	3,0	4,0	4,0	4,0	
29	207902T701	Lương Hữu	Huy	13.08.1978	6,0	3,5	2,5	3,0	4,0	
30	207902C708	Trần Văn	Hung	11.06.1979	4,0	3,0	4,5	3,5	4,0	
31	217900D577	Hoàng Thị	Hương	11/08/1996	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
32	207902C510	Lê Trung	Kiên	25.12.1981	3,0	3,5	3,0	5,5	4,0	
33	207902C709	Lang Văn	Khoán	02.03.1981	4,0	3,0	4,0	4,5	4,0	

14

chq

TT	Mã SV	Họ lót	tên	Ngày sinh	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
34	207902C710	Trần Đình	Lập	09.06.1988	4,0	6,5	2,0	4,0	4,0	
35	217902C506	Cao Văn	Liêng	10.05.1968	2,5	2,5	3,0	7,0	4,0	
36	207902C511	Trịnh Văn	Linh	22.09.1987	5,0	4,5	3,0	5,5	4,5	
37	217902C527	Mai Tiến	Linh	23.05.1978	1,0	5,5	2,5	6,0	4,0	
38	207902C711	Lưu Thành	Long	15.09.1977	3,0	4,0	3,0	5,0	4,0	
39	207902C712	Trịnh Hùng	Long	03.09.1978	4,0	3,5	3,5	4,0	4,0	
40	207902C713	Nguyễn Thị	Mai	23.11.1988	4,5	2,0	4,5	4,0	4,0	
41	207902T703	Đỗ Xuân	Minh	20.10.1981	1,0	3,5	2,5	8,0	4,0	
42	207902C512	Phạm Văn	Nam	12.10.1979	2,0	5,0	3,5	4,5	4,0	
43	187801C002	Phan Cao	Cường	20.07.1979	4,0	6,5	4,5	7,0	5,5	
44	207902T704	Lê Văn	Nam	20.07.1982	3,0	4,5	3,5	4,5	4,0	
45	207902C714	Lê Thị	Nga	03.12.1973	ĐC	ĐC	ĐC	ĐC	ĐC	
46	207902C715	Phạm Đức	Nghĩa	01.11.1978	4,0	4,0	2,0	6,5	4,0	
47	217902C526	Lê Văn	Nghĩa	18.01.1984	4,0	4,0	2,5	5,0	4,0	
48	207902C716	Lê Phi	Nguyên	13.08.1980	5,0	2,5	3,5	4,0	4,0	
49	207902C514	Lê Việt	Phong	22.12.1981	4,0	2,5	3,0	5,5	4,0	
50	189402V001	Trần Trọng	Phúc	15.05.1989	4,0	3,5	4,0	4,5	4,0	
51	207902C717	Yên Hùng	Phương	06.02.1971	4,5	2,5	4,5	5,0	4,0	
52	217902C508	Hoàng Đức	Phương	12.08.1984	ĐC	ĐC	ĐC	ĐC	ĐC	
53	209103V701	Nguyễn Khánh	Phượng	08.03.1990	2,0	7,5	3,5	5,0	4,5	
54	207902C718	Nguyễn Văn	Quyết	10.07.1980	4,0	2,0	3,5	5,5	4,0	
55	217902C510	Nguyễn Ngọc	Tâm	13.03.1976	4,0	4,0	3,0	4,0	4,0	
56	207902C720	Bùi Thị	Tình	20.02.1983	4,5	4,0	4,0	4,5	4,5	
57	207902C719	Vũ Thị	Tính	02.10.1984	4,5	3,0	3,5	6,0	4,5	
58	197401C001	Nguyễn Anh	Tuấn	05.11.1993	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
59	207902C515	Trương Văn	Tùng	10.02.1980	5,0	3,0	3,0	6,0	4,5	
60	207902C721	Trịnh Văn	Tuyên	10.04.1980	5,0	4,0	4,0	6,5	5,0	
61	179401V511	Lê Thị	Tuyết	19.05.1983	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
62	207902C516	Lê Văn	Thanh	15.05.1986	5,0	8,5	2,0	5,5	5,5	
63	218902C602	Lê Thị	Thanh	01/03/1985	5,0	5,5	2,5	6,0	5,0	
64	217902C513	Trần Xuân	Thành	17.12.1977	4,5	2,5	3,5	6,0	4,0	
65	217902C514	Bùi Đức	Thành	12.11.1972	3,0	4,5	3,5	4,5	4,0	
66	207401C513	Phạm Trung	Thành	21.09.1991	4,5	4,5	4,5	4,0	4,5	
67	217902C515	Phạm Văn	Thắng	20.06.1979	4,0	4,5	3,5	4,5	4,0	
68	207902C722	Lương Văn	Thìn	12.10.1978	4,5	4,0	3,0	4,5	4,0	
69	207902C723	Trịnh Quốc	Thịnh	02.06.1981	4,5	4,0	2,5	6,0	4,5	
70	217902C516	Văn Doãn	Thống	10.12.1974	4,0	4,0	3,0	4,5	4,0	
71	207902C724	Lê Thị	Thu	04.07.1981	4,5	3,0	4,0	5,0	4,0	
72	207902C518	Nguyễn Văn	Thuận	10.03.1981	4,5	4,0	2,0	6,0	4,0	

AN
RƯỞI
DẠI H
IÔNG

TT	Mã SV	Họ lót	tên	Ngày sinh	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
73	207902C725	Lê Đức	Thuận	02.06.1980	4,0	4,5	3,0	5,0	4,0	
74	217902C517	Cao Thị	Thủy	27.02.1976	3,0	6,0	1,5	7,0	4,5	
75	217902C518	Nguyễn Xuân	Thúy	15.03.1978	3,0	4,5	1,5	6,0	4,0	
76	207902C726	Trần Văn	Thuyên	20.03.1979	4,5	3,5	3,0	4,5	4,0	
77	217902C519	Nguyễn Thị	Thương	12.09.1991	4,0	4,5	3,0	5,0	4,0	
78	207902C727	Ngô Thị	Trâm	08.02.1991	4,0	4,0	4,0	4,0	4,0	
79	217902C520	Phạm Văn	Trung	11.09.1982	4,0	6,0	2,5	4,5	4,5	
80	207902C519	Hà Đình	Trường	10.11.1972	3,5	5,0	3,0	4,5	4,0	
81	217902C523	Lê Đình	Vân	06.09.1969	4,0	4,0	3,5	4,5	4,0	
82	217902C524	Đào Quang	Việt	14.10.1970	4,5	5,5	3,0	4,5	4,5	
83	217902C525	Nguyễn Ngọc	Vinh	22.12.1982	4,5	1,5	3,0	6,5	4,0	
84	197103C811	Đình Xuân	Tùng	03.08.1992	4,5	6,0	4,5	4,0	5,0	
85	207801D700	Hàn Việt	Anh	16.12.1983	7,0	5,0	3,5	4,5	5,0	
86	207801D702	Lê Hoàng	Anh	03.09.1993	5,5	4,0	3,0	6,0	4,5	
87	207801D704	Lê Nhân	Cường	10.08.1983	6,0	5,5	3,0	6,0	5,0	
88	207801D706	Nguyễn Văn	Du	12.02.1992	5,5	6,5	3,0	5,0	5,0	
89	207801D707	Mai Thùy	Dung	26.02.1983	4,5	4,5	2,0	6,0	4,5	
90	207801Đ505	Hoàng Văn	Dũng	2.1.1994	5,0	3,0	3,0	4,5	4,0	
91	207801T700	Đào Văn	Dũng	04.04.1988	6,0	4,5	3,0	6,5	5,0	
92	207801D708	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	30.06.1984	7,0	7,0	4,0	7,0	6,5	
93	207801C501	Lò Văn	Đính	16.12.1989	4,5	5,5	3,0	5,5	4,5	
94	207801D709	Nguyễn Đình	Đông	27.08.1983	6,0	7,5	4,5	6,5	6,0	
95	207801Đ506	Lưu Huyền	Đức	20.02.1996	5,5	6,5	5,0	7,0	6,0	
96	207801Đ507	Nguyễn Tài	Đức	2.4.1988	5,0	5,0	2,5	5,0	4,5	
97	207801Đ509	Nguyễn Thị Thu	Hà	30.10.1988	6,5	7,5	4,5	7,5	6,5	
98	207801Đ510	Nguyễn Thị	Hạnh	1.4.1981	5,0	6,0	3,5	6,0	5,0	
99	207801D713	Đoàn Thị	Hằng	28.08.1985	6,5	4,5	4,0	5,0	5,0	
100	207801D745	Lại Thị Thu	Hằng	20.08.1995	5,0	6,5	4,5	7,0	6,0	
101	207801T702	Trương Văn	Hoa	15.06.1980	5,5	3,5	1,5	4,5	4,0	
102	207801D714	Lê Thị	Hòa	10.05.1990	5,5	6,0	4,5	7,5	6,0	
103	207801Đ511	Bùi Văn	Hoàng	04.8.1981	6,0	2,0	3,0	5,0	4,0	
104	207801Đ512	Lưu Trần	Hoàng	28.04.1983	5,5	7,0	2,5	6,0	5,5	
105	207801D715	Lê Đăng	Hoàng	10.10.1984	5,0	3,5	4,5	6,5	5,0	
106	207901T718	Trịnh Thị	Hợp	02.06.1990	6,0	6,5	3,0	6,0	5,5	
107	207801C701	Lê Xuân	Hùng	26.06.1994	5,5	2,0	3,0	4,5	4,0	
108	207801Đ516	Lưu Quốc	Huy	23.11.1991	5,0	6,0	3,0	5,0	5,0	
109	207801D717	Đỗ Thị	Huyền	13.07.1986	6,0	9,0	2,0	6,0	6,0	
110	207801Đ517	Lê Văn	Hung	25.01.1984	4,5	3,5	3,5	4,5	4,0	
111	207801Đ518	Ngô Thị	Hương	28.01.1977	6,5	3,0	3,0	5,5	4,5	

FINH
IG
OC
ĐỨC

Ng
chy

TT	Mã SV	Họ lót	tên	Ngày sinh	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
112	187901T554	Phạm Thị	Khuyên	28.01.1991	5,5	7,5	3,5	4,0	5,0	
113	207801Đ520	Nguyễn Thị	Lê	10.9.1985	6,5	2,5	3,5	4,5	4,5	
114	207801Đ521	Nguyễn Thị	Liều	18.11.1988	7,0	5,0	3,5	4,5	5,0	
115	207801Đ522	Lê Ngọc	Linh	20.10.1983	6,0	4,5	4,5	5,0	5,0	
116	207801T704	Dương Ngọc	Linh	18.04.1989	5,5	2,5	2,5	5,5	4,0	
117	207801T705	Phạm Ngọc	Long	02.05.1988	5,5	3,5	2,5	4,5	4,0	
118	207801Đ526	Nguyễn Văn	Mạnh	26.03.1981	5,0	4,0	4,0	4,0	4,5	
119	207801Đ527	Hoàng Việt	Minh	11.2.1982	5,0	2,5	4,0	4,0	4,0	
120	207801T502	Lê Đức	Minh	13.3.1997	5,0	6,5	4,5	4,0	5,0	
121	207801Đ528	Vũ Thị	Nam	25.10.1988	5,5	7,0	4,0	4,5	5,5	
122	207801T706	Nguyễn Hoài	Nam	15.08.1995	4,0	4,5	4,0	4,5	4,5	
123	207801Đ531	Lại Thị	Ngọc	12.2.1995	6,0	6,0	4,0	6,5	5,5	
124	207801Đ533	Hoàng Thị	Nhung	14.11.1989	5,0	3,5	3,5	5,0	4,5	
125	207801Đ534	Hoàng Thị	Nhung	4.7.1985	5,5	7,0	4,0	4,5	5,5	
126	207801D729	Lê Thị Phương	Nhung	12.03.1984	5,5	4,0	2,5	4,5	4,0	
127	207801D730	Nguyễn Thị	Oanh	01.08.1977	6,5	3,0	2,5	5,5	4,5	
128	207801D731	Lê Thị	Phương	15.10.1989	4,0	3,5	2,5	5,5	4,0	
129	207801C702	Lê Xuân	Phượng	10.08.1965	3,5	4,0	3,5	4,0	4,0	
130	207801D732	Lê Ngọc	Quý	02.12.1989	5,0	4,0	3,5	4,5	4,5	
131	207801D734	Hoàng Thị Diễm	Quỳnh	11.08.1991	6,5	7,0	4,5	7,0	6,5	
132	207801Đ535	Nguyễn Hoàng	Sinh	19.02.1984	5,0	6,0	4,5	4,5	5,0	
133	207801Đ536	Nguyễn Xuân	Son	10.5.1971	6,0	2,5	3,5	4,0	4,0	
134	207801D735	Văn Đình	Tài	03.05.1985	4,0	6,0	2,0	4,5	4,0	
135	207308T003	Võ Tiến	Tâm	17.11.1973	2,0	4,5	3,0	5,5	4,0	
136	207801Đ539	Nguyễn Đức	Toàn	15.03.1986	6,0	8,5	7,0	5,5	7,0	
137	207801Đ540	Nguyễn Anh	Toàn	8.10.1987	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
138	207801Đ541	Nguyễn Thanh	Tùng	6.3.1984	5,0	3,0	3,5	Vắng	Vắng	
139	207801T506	Nguyễn Thanh	Tùng	17.08.1994	4,0	6,0	3,0	4,0	4,5	
140	207801D736	Nguyễn Tuấn	Tường	30.05.1972	6,0	4,5	3,0	4,0	4,5	
141	207801T507	Phạm Hữu	Thạch	27.07.1988	5,0	5,5	4,5	4,0	5,0	
142	207801Đ542	Lê Thị	Thanh	4.2.1983	5,5	4,0	2,0	4,0	4,0	
143	207801D737	Nguyễn Hà	Thanh	21.04.1983	5,5	3,5	2,0	4,0	4,0	
144	207801Đ544	Lê Phương	Thảo	25.06.1976	6,0	6,5	5,0	6,0	6,0	
145	207801Đ545	Lâm Ngọc	Thắng	15.02.1980	6,0	5,5	3,5	4,0	5,0	
146	207801D739	Mai Xuân	Thế	20.10.1976	6,0	4,0	3,0	5,0	4,5	
147	207801Đ546	Nguyễn Văn	Thiện	20.01.1987	7,0	5,0	3,0	6,5	5,5	
148	207801Đ548	Bùi Thị	Thùy	15.10.1989	6,5	8,5	3,0	6,0	6,0	
149	207801Đ549	Dương Thị	Thùy	30.03.1980	7,5	3,5	3,0	6,0	5,0	
150	207801C502	Nguyễn Thị	Thùy	10.5.1984	6,0	9,0	1,5	5,0	5,5	

NA

chy

TT	Mã SV	Họ lót	tên	Ngày sinh	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
151	207801Đ550	Phạm Thị	Thúy	2.11.1986	6,5	7,0	4,5	6,0	6,0	
152	207801T508	Lê Bá	Thức	10.10.1993	5,5	6,5	3,5	4,0	5,0	
153	207801D741	Lương Thị	Trà	06.02.1983	4,0	6,5	2,0	6,0	4,5	
154	207801Đ551	Đỗ Thị Quỳnh	Trang	4.5.1985	7,5	6,0	3,0	5,5	5,5	
155	207801Đ552	Hoàng Thị	Trang	20.08.1991	7,5	4,5	4,5	4,5	5,5	
156	207801Đ553	Lô Thị	Trang	15.09.1988	5,5	5,0	4,5	5,0	5,0	
157	207801C703	Nguyễn Thị Huyền	Trang	02.05.1987	3,5	4,0	3,5	4,0	4,0	
158	207801D744	Phạm Thị Tuyết	Vân	02.09.1986	3,5	6,5	3,5	5,5	5,0	
159	207801T707	Lê Thị	Vân	20.10.1987	3,5	2,5	3,0	6,0	4,0	
160	207801T556	Mai Thị Hà	Vi	9.6.1996	6,0	4,0	4,0	4,5	4,5	
161	207801T509	Mai Thị	Xuân	25.04.1991	5,5	7,0	3,0	4,0	5,0	
162	207801Đ558	Vũ Thị	Yến	5.5.1987	6,0	5,0	3,5	4,5	5,0	
163	207801T708	Đỗ Thị	Yến	23.02.1985	4,0	4,0	3,0	4,0	4,0	
164	218401T600	Lê Thị Thúy	An	20.02.1988	5,0	5,5	3,5	4,0	4,5	
165	207801T001	Bùi Văn	Anh	29.07.1992	6,0	5,5	5,0	3,5	5,0	
166	218401D600	Trịnh Thị	Bích	19.09.1981	5,0	5,0	4,0	7,5	5,5	
167	217401C502	Hoàng Thị Thanh	Bình	13.06.1998	4,0	8,5	5,0	4,5	5,5	
168	207900C704	Lê Thị	Cảnh	11.10.1976	4,0	5,5	3,5	6,5	5,0	
169	217801D502	Trương Anh	Dũng	12.02.1997	5,0	7,5	6,0	7,5	6,5	
170	217801C501	Hoàng Thị Thùy	Dương	07.05.1992	5,0	7,0	3,0	5,0	5,0	
171	217401D506	Nguyễn Thị Thu	Hà	28.07.1985	6,0	7,0	2,0	6,0	5,5	
172	218401C603	Lê Thanh	Hà	19.08.1988	6,0	7,0	3,5	7,0	6,0	
173	187801T003	Trương Thị	Hà	15.5.1978	3,5	3,5	3,5	4,5	4,0	
174	217401D508	Nguyễn Minh	Hải	20.10.1981	5,0	7,0	2,5	5,0	5,0	
175	207801T002	Vũ Văn	Hải	10.10.1980	5,0	5,5	3,0	3,5	4,5	
176	218401T605	Hoàng Thị	Hằng	05.05.1982	6,0	5,5	3,0	4,0	4,5	
177	217801D505	Lê Thị Ngọc	Hoa	17.10.1982	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
178	217801D506	Lê Thị	Hoa	12.11.1981	5,0	3,5	3,5	4,0	4,0	
179	217801D507	Trương Trọng	Hòa	15.05.1989	5,5	7,5	3,5	4,5	5,5	
180	207801C002	Lương Thị	Hoài	21.03.1989	6,5	6,5	3,5	2,5	5,0	
181	217801D508	Đào Xuân	Hoàng	06.02.1996	7,0	5,5	2,0	6,0	5,0	
182	217801D509	Nguyễn Thị	Hồng	02.07.1983	5,5	3,0	2,0	5,0	4,0	
183	169401V510	Lê Thị	Hồng	08.10.1979	3,5	4,5	2,0	5,0	4,0	
184	217801D510	Cao Xuân	Hùng	08.04.1983	5,0	5,0	3,5	5,0	4,5	
185	207801C003	Mai Văn	Hung	30.04.1989	6,0	7,0	4,0	4,0	5,5	
186	169401V501	Vũ Thị	Hương	20.7.1990	3,0	2,5	3,5	6,0	4,0	
187	217401C510	Nguyễn Văn	Khánh	30.10.1993	4,5	5,0	5,0	4,0	4,5	
188	218401D605	La Thị	Lan	10.10.1982	4,0	8,5	4,0	5,5	5,5	
189	217401C512	Lê Thị	Linh	15.02.1999	4,5	7,5	5,5	3,0	5,0	

Handwritten signatures and initials in blue ink.

TT	Mã SV	Họ lót	tên	Ngày sinh	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
190	217401T503	Lê Thị Mai	Linh	16.08.2000	6,5	7,5	4,5	4,0	5,5	
191	217801D514	Lê Văn	Linh	25.12.1990	4,5	7,5	2,0	6,5	5,0	
192	217801D515	Nguyễn T. Thùy	Linh	04.06.1983	5,5	6,5	3,5	4,0	5,0	
193	218401D608	Trịnh Thị	Loan	10.03.1991	4,0	8,5	3,0	7,5	6,0	
194	217801D516	Lê Tiến	Luân	10.05.1989	3,5	5,5	2,5	4,0	4,0	
195	217401C514	Nguyễn Trọng	Lực	17.11.1981	6,0	4,0	5,5	7,0	5,5	
196	217801D517	Lê Thị	Lý	10.08.1975	5,0	3,5	3,0	4,0	4,0	
197	218401C613	Nguyễn Thị	Mai	22.07.1991	5,5	4,5	4,5	7,0	5,5	
198	217401D525	Lê Thị	Na	02.09.1994	5,0	8,0	4,0	4,0	5,5	
199	217401D513	Hòa Văn	Ngân	14.02.1993	6,0	8,0	9,0	8,0	8,0	
200	217401C518	Nguyễn Thị	Ngọc	03.10.1999	4,5	7,5	4,0	2,5	4,5	
201	217801D518	Nguyễn Thị	Nguyệt	10.07.1991	7,5	6,0	3,5	6,0	6,0	
202	217801D519	Nguyễn Thị Linh	Nhâm	11.05.1986	5,5	2,5	3,0	4,0	4,0	
203	207801T003	Nguyễn Minh	Nhân	28.01.1990	5,0	5,0	3,5	4,5	4,5	
204	217801D520	Trần Thị	Oanh	10.10.1985	4,0	5,5	5,5	6,5	5,5	
205	217401C521	Nguyễn Lan	Phuong	16.12.1999	5,5	7,0	5,0	4,0	5,5	
206	217401C523	Lê Bá	Quang	04.11.1992	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
207	207801C005	Hà Thị	Sâm	23.05.1997	6,0	7,0	5,0	4,0	5,5	
208	207801T004	Lại Thế	Son	20.10.1978	4,0	3,0	2,5	5,5	4,0	
209	217801T506	Chu Văn	Son	07.07.1977	5,5	5,0	4,0	3,5	4,5	
210	207801C006	Lê Minh	Tâm	20.08.1991	6,0	3,5	4,0	4,0	4,5	
211	217801D523	Phạm Bá	Toàn	15.08.1987	5,5	7,0	4,0	5,0	5,5	
212	217801C504	Trần Trọng	Toàn	15.02.1989	5,5	6,0	4,0	4,0	5,0	
213	217401T506	Phạm Quang	Thành	06.10.1995	7,0	8,5	4,5	3,0	6,0	
214	217801D525	Lê Xuân	Thảo	11.11.1990	5,5	4,0	3,5	4,0	4,5	
215	217401T508	Phạm Thị	Thu	03.05.1997	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
216	218401C617	Lê Thị	Thùy	20.06.1988	5,5	8,5	4,5	6,0	6,0	
217	217801D526	Lê Thị	Thủy	02.09.1984	5,5	4,0	4,0	4,0	4,5	
218	217801D527	Hồ Thị	Thủy	18.06.1985	5,5	4,5	3,0	4,0	4,5	
219	207801T006	Lê Bá	Thường	29.06.1996	5,0	3,5	2,0	5,0	4,0	
220	217401C527	Trần Thị	Trang	21.08.1999	6,0	7,0	4,0	3,0	5,0	
221	217801D528	Lê Văn	Tri	20.07.1988	5,5	5,0	5,0	7,0	5,5	
222	207801T007	Phạm Đăng	Trọng	10.10.1978	7,0	4,5	3,0	4,0	4,5	
223	217401D523	Phạm Minh	Trung	10.03.1990	5,0	6,5	6,0	3,0	5,0	
224	217401C529	Nguyễn Thị Tố	Uyên	05.08.1995	7,0	8,5	5,0	4,5	6,5	
225	217801D529	Phạm Thị	Vân	03.04.1990	5,0	5,0	4,5	6,0	5,0	
226	207801T009	Nguyễn Hà	Vũ	15.10.1991	4,5	7,5	3,0	4,5	5,0	
227	217801D531	Phạm Thị	Xuân	09.04.1986	5,5	5,0	4,0	5,5	5,0	
228	197801T801	Hoàng Nam	Anh	01.10.1988	5,5	3,5	4,5	6,0	5,0	

Handwritten signatures and initials in blue ink.

TT	Mã SV	Họ lót	tên	Ngày sinh	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
229	197801T802	Nguyễn Thị Vân	Anh	03.10.1994	5,5	4,5	3,0	6,5	5,0	
230	217801D603	Lê Văn	Ánh	06.04.1987	5,5	5,0	3,0	6,0	5,0	
231	197801T803	Trương Ngọc	Ánh	26.12.1989	5,5	4,5	3,0	6,0	5,0	
232	197801T805	Nguyễn Kiên	Cường	25.07.1987	4,5	5,5	2,5	5,5	4,5	
233	217801D604	Lê Văn	Cường	10.10.1976	6,0	3,5	3,0	6,0	4,5	
234	197801T804	Nguyễn Phó	Cương	07.01.1989	5,5	2,5	3,0	5,0	4,0	
235	217801D605	Chung Văn	Chí	02.09.1986	5,0	8,0	3,0	5,5	5,5	
236	217801D606	Nguyễn Văn	Chung	07.06.1993	5,0	7,5	3,5	6,0	5,5	
237	217801D607	Trần Thị	Chuyên	20.05.1989	5,0	5,5	3,0	6,0	5,0	
238	197801T806	Hoàng Văn	Diễn	01.02.1984	5,0	2,5	3,0	5,5	4,0	
239	217801D608	Đỗ Hồng	Diệp	09.09.1991	6,0	5,0	4,5	6,5	5,5	
240	217101C501	Phạm Công	Dũng	10/04/1978	5,5	3,5	3,0	6,0	4,5	
241	197801T807	Lê Anh	Dũng	20.05.1991	6,0	5,5	3,0	5,5	5,0	
242	197801T808	Tạ Bá	Duy	27.04.1986	6,0	4,0	2,0	4,0	4,0	
243	217801D609	Phạm Thị	Duyên	08.03.1985	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
244	217101C502	Nguyễn Văn	Dương	15/10/1978	5,5	4,5	3,0	6,0	5,0	
245	217101C503	Phạm Ngọc	Đạo	01/05/1980	6,0	2,0	2,0	6,0	4,0	
246	197801T809	Ngọc Văn	Đồng	14.02.1987	5,0	4,0	4,5	5,5	5,0	
247	197801T810	Lê Thanh	Hải	18.04.1990	6,0	9,0	3,5	4,5	6,0	
248	197801T811	Nguyễn Thị Minh	Hải	12.08.1991	5,5	7,5	2,0	5,0	5,0	
249	197801T812	Phạm Văn	Hải	06.05.1998	4,5	6,5	2,0	6,0	5,0	
250	217101C504	Nguyễn Thị	Hằng	03/10/1995	6,0	4,5	4,5	6,5	5,5	
251	217801D611	Nguyễn Thị	Hằng	10.09.1993	5,5	5,0	3,5	6,5	5,0	
252	217101C505	Lê Thị	Hậu	15/06/1984	5,5	4,0	3,0	6,0	4,5	
253	197801T813	Lê Văn	Hiên	17.10.1993	5,0	5,5	2,5	5,0	4,5	
254	217101C506	Nguyễn Hoàng	Hiệp	21/02/1974	5,5	6,0	3,5	6,0	5,5	
255	197801T814	Lê Minh	Hiệu	23.06.1992	5,0	6,0	2,5	7,0	5,0	
256	197801T815	Nguyễn Thanh	Hoa	07.09.1991	6,0	5,5	3,0	6,0	5,0	
257	197801T816	Nguyễn Thị Thanh	Hoà	17.11.1991	5,5	5,0	3,0	4,0	4,5	
258	217801D612	Lê Thị	Hoà	03.03.1987	5,5	5,0	3,0	4,0	4,5	
259	217801T602	Nguyễn Đình	Hoàng	22.01.2003	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
260	197801T817	Nguyễn Ngọc	Huân	18.10.1986	4,5	5,0	2,5	4,0	4,0	
261	217801D613	Lê Thị Thu	Huế	10.09.1986	6,0	7,5	4,0	6,5	6,0	
262	197801T818	Phan Bá	Hùng	07.02.1992	4,5	5,0	2,5	3,5	4,0	
263	197801T819	Phạm Ngọc	Huyền	09.04.1986	5,5	4,0	3,0	3,0	4,0	
264	197801T820	Trần Thị	Huyền	15.11.1988	5,5	6,5	2,5	4,0	4,5	
265	197801T821	Đỗ Văn	Hưng	20.06.1990	7,0	2,5	3,0	2,5	4,0	
266	217101D501	Nguyễn Thị Mai	Hương	12/04/1988	6,0	7,0	3,5	7,0	6,0	
267	217801D614	Nguyễn Duy	Khải	03.10.1987	6,0	4,5	2,0	6,0	4,5	

AN T
RƯỜNG
AI HỌ
NG Đ

Handwritten signatures and initials.

TT	Mã SV	Họ lót	tên	Ngày sinh	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
268	197801T822	Nguyễn Phi	Khanh	28.06.1986	6,0	5,0	2,0	2,5	4,0	
269	197801T823	Trịnh Ngọc	Khánh	10.02.1990	5,5	3,0	2,0	4,5	4,0	
270	197801T824	Trần Văn	Lâm	09.09.1988	5,0	6,5	4,5	3,5	5,0	
271	197801T825	Nguyễn văn	Linh	10.08.1987	6,5	3,0	3,0	2,5	4,0	
272	217801D615	Trần Thị	Loan	15.07.1983	6,5	4,0	3,0	4,0	4,5	
273	197801T826	Nguyễn Doãn	Long	25.05.1987	6,0	5,5	2,0	3,5	4,5	
274	197801T827	Lê Thành	Long	11.9.1991	5,0	7,0	2,0	3,5	4,5	
275	197801T828	Ngô Thanh	Long	28.08.1992	6,0	8,5	3,0	5,0	5,5	
276	197801T829	Lê Thị	Lợi	15.12.1991	5,0	9,5	3,0	4,5	5,5	
277	218801P601	Lê Đình	Luận	07.05.1996	5,5	9,5	3,0	4,5	5,5	
278	217801D616	Lê Thị	Mai	26.09.1986	6,0	6,5	5,0	4,0	5,5	
279	207801D724	Nguyễn Văn	Mạnh	10.6.1984	4,0	7,0	5,5	7,0	6,0	
280	197801T830	Lê Ngọc	Mùi	10.10.1991	5,0	5,5	3,0	6,0	5,0	
281	217101C507	Lê Bá	Nam	14/04/1980	5,5	2,5	4,0	7,5	5,0	
282	217801C600	Nguyễn Hữu	Nam	11.11.1992	4,0	6,0	3,0	5,0	4,5	
283	197801T831	Lê Đình	Nam	18,061991	5,5	9,0	2,0	4,0	5,0	
284	217801T603	Nguyễn Trọng	Phong	01.10.2003	5,0	5,0	3,5	4,0	4,5	
285	217801D617	Hoàng Huy	Phúc	12.02.1988	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
286	217101C508	Nguyễn Thị Thu	Phương	27/11/1977	5,5	4,0	3,0	7,0	5,0	
287	197801T832	Nguyễn Duy	Phương	08.07.1986	5,5	5,5	3,0	4,5	4,5	
288	197801T833	Nguyễn Văn	Phương	12.07.1981	5,0	2,5	3,5	4,5	4,0	
289	218801P602	Lê Huy	Quỳnh	19.05.1991	6,0	5,0	3,5	6,0	5,0	
290	217801C601	Vũ Ngọc	Son	27.02.1993	6,0	6,0	3,0	6,5	5,5	
291	197801T834	Trương Tiến	Sỹ	07.03.1989	6,0	6,0	3,0	3,5	4,5	
292	197801T835	Trịnh Thị	Tâm	09.07.1994	6,5	6,0	4,0	6,0	5,5	
293	197801T836	Nguyễn Nhật	Tân	06.09.1991	6,0	3,5	3,0	4,0	4,0	
294	217801D618	Chu Văn	Tiến	12.08.1988	6,0	6,0	4,5	5,5	5,5	
295	197801T837	Trần Thị	Tinh	20.04.1982	5,0	9,0	4,0	3,5	5,5	
296	217101C509	Lê Minh	Toán	03/08/1976	5,5	4,0	3,0	7,0	5,0	
297	207801D540	Nguyễn Anh	Toàn	10/08/1987	6,0	8,5	3,5	4,5	5,5	
298	217101C512	Lê Anh	Tuấn	25/10/1985	5,5	5,5	2,5	7,0	5,0	
299	217801D621	Lê Quang	Tùng	03.09.1994	6,0	5,5	4,0	6,0	5,5	
300	197801T838	Nguyễn Văn	Tùng	07.05.1992	5,5	3,5	4,5	4,0	4,5	
301	217801D622	Lê Thị	Tuyết	12.06.1975	6,0	6,0	3,0	4,5	5,0	
302	217801T604	Phạm Hồng	Tứ	12.08.1980	6,0	7,0	4,5	7,0	6,0	
303	197801T839	Mai Văn	Thành	19.08.1987	5,5	7,5	2,0	3,5	4,5	
304	197801T840	Bùi Hoàng	Thao	29.11.1982	4,5	4,5	5,5	3,5	4,5	
305	197801T841	Nguyễn Trường	Thắng	07.08.1986	6,5	6,5	4,5	5,0	5,5	
306	217801D623	Lê Văn	Thụ	18.05.1986	5,5	4,5	3,5	6,0	5,0	

NH

ahy

TT	Mã SV	Họ lót	tên	Ngày sinh	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
307	217801C603	Nguyễn Thị	Thùy	05.10.1991	5,5	6,0	3,0	6,0	5,0	
308	197801T842	Vũ Thái	Thụy	12.10.1984	6,0	5,5	1,5	3,5	4,0	
309	217101C510	Lê Thị	Thùy	12/12/1976	6,0	5,0	3,0	7,0	5,5	
310	217101C511	Nguyễn Thị	Thùy	08/05/1978	6,0	4,5	2,0	6,5	5,0	
311	217801D624	Nguyễn Thị	Trang	06.10.1992	4,0	6,5	5,0	8,0	6,0	
312	217801D625	Nguyễn Thị Thu	Trang	25.01.1984	6,0	6,5	3,0	7,0	5,5	
313	197801T843	Trần Huyền	Trang	30.10.1987	5,5	6,5	3,0	4,0	5,0	

**KT. TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Lê Hoàng Bá Huyền

THƯ KÝ BAN CHỈ ĐẠO

Nguyễn Thế Cường

HÀNH